

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2021	01/01/2021
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		168,181,472,428	426,363,828,578
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	10,065,156,299	34,500,233,880
1. Tiền	111		10,065,156,299	32,175,134,296
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	2,325,099,584
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		20,000,000,000	80,750,000,000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	20,000,000,000	80,750,000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		51,836,643,098	105,374,503,541
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	2,080,931,908	50,876,428,609
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.5	45,028,068,724	40,089,237,733
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	250,000,000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.11.1	4,727,642,466	14,158,837,199
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.4	-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	83,071,053,184	202,077,794,643
1. Hàng tồn kho	141		83,071,053,184	202,077,794,643
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3,208,619,847	3,661,296,514
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8.1	26,019,928	16,586,364
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3,182,599,919	3,644,710,150
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		272,624,961,118	115,251,400,805
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.10	-	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.11.2	-	-
3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		14,914,163,773	1,102,675,560
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	14,914,163,773	1,102,675,560
- Nguyên giá	222		16,384,461,171	2,019,283,092
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(1,470,297,398)	(916,607,532)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		11,199,648,049	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		11,199,648,049	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.6	246,462,086,000	114,148,725,245
1. Đầu tư vào công ty con	251		205,950,000,000	82,979,352,000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		33,722,086,000	18,000,000,000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	6,625,000,000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	(245,626,755)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2	6,790,000,000	6,790,000,000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		49,063,296	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8.2	49,063,296	-
4. Tài sản dài hạn khác	268	0	-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		440,806,433,546	541,615,229,383



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2021	01/01/2021
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		115,608,609,604	362,166,415,382
I. Nợ ngắn hạn	310		114,845,379,089	361,917,082,054
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	4,737,091,408	258,514,190,348
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	24,178,007,973	73,804,942,774
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14.1	1,269,789,985	1,880,098,629
4. Phải trả người lao động	314		69,819,300	54,644,137
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	-	40,605,575
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	750,630,443	3,205,179,943
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	83,840,039,980	24,417,420,648
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
II. Nợ dài hạn	330		763,230,515	249,333,328
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17	763,230,515	249,333,328
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		325,197,823,942	179,448,814,001
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	325,197,823,942	179,448,814,001
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		300,000,000,000	150,000,000,000
2. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		10,645,604,925	10,645,604,925
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		14,552,219,017	18,803,209,076
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		11,303,209,076	14,168,135,627
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3,249,009,941	4,635,073,449
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		440,806,433,546	541,615,229,383

NGUYỄN THỊ THÚY NGA
Người lập

VŨ THỊ THỦY
Kế Toán Trưởng



DƯƠNG THỊ HUYỀN
Tổng Giám Đốc

05
:0
CỔ
:A1
VIỆ
/4/

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
QUÝ IV năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Quý IV/2021	Quý IV/2020	Lũy kế Từ 01/01/2021 đến 31/12/2021	Lũy kế Từ 01/01/2020 đến 31/12/2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.20	39,990,284,210	347,887,686,902	341,954,459,937	584,606,750,731
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.20	39,990,284,210	347,887,686,902	341,954,459,937	584,606,750,731
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.21	37,560,026,844	338,726,910,477	333,981,026,003	565,851,106,088
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2,430,257,366	9,160,776,425	7,973,433,934	18,755,644,643
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.22	277,862,951	11,310,702	3,208,167,731	958,054,127
7. Chi phí tài chính	22	VI.23	263,657,988	640,755,405	2,066,985,466	5,899,812,623
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		241,923,139	558,904,480	2,041,264,097	2,558,055,480
8. Chi phí bán hàng	25	VI.25	349,529,400	2,086,127,300	1,443,649,697	2,592,200,671
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.24	1,091,932,056	947,327,729	3,898,197,140	2,489,915,274
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1,003,000,873	5,497,876,693	3,772,769,362	8,731,770,202
11. Thu nhập khác	31	VI.26	33,000	7,051,615	363,669,512	254,921,905
12. Chi phí khác	32	VI.26	9,823	167,070,513	75,176,448	171,714,872
13. Lợi nhuận khác	40		23,177	(160,018,898)	288,493,064	83,207,033
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1,003,024,050	5,337,857,795	4,061,262,426	8,814,977,235
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.27	200,604,810	1,067,571,559	812,252,485	1,762,995,447
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		802,419,240	4,270,286,236	3,249,009,941	7,051,981,788
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		26.75	284.69	108.30	470
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71					

Hà Nội, ngày 26 tháng 01 năm 2022

NGUYỄN THỊ THỦY NGA
Người lập

VŨ THỊ THỦY
Kế toán trưởng



ĐƯƠNG THỊ HUYỀN
Tổng Giám Đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Theo phương pháp gián tiếp
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Cho kỳ kế toán kết thức ngày 31/12/2021	Cho kỳ kế toán kết thức ngày 31/12/2020
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	4,061,262,426	8,814,977,235
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02	553,689,866	278,996,253
- Các khoản dự phòng	03	(245,626,755)	
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(573,960,912)	
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1,657,999,746)	(958,054,127)
- Chi phí lãi vay	06	2,041,264,097	2,558,055,480
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	4,178,628,976	10,693,974,841
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	53,749,970,674	(54,167,796,040)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	119,006,741,459	97,612,636,281
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(303,544,697,513)	7,768,709,345
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(9,433,564)	
- Tiền lãi vay đã trả	14	(2,041,264,097)	(2,558,055,480)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1,422,561,129)	(1,762,995,447)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(130,082,615,194)	57,586,473,500
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(26,172,531,583)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	363,636,364	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(120,528,036,300)	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	183,603,135,884	
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(154,414,820,000)	(7,825,180,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	17,922,086,000	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2,042,100,229	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(97,184,429,406)	(7,825,180,000)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành CP, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	150,000,000,000	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	353,230,066,870	374,054,880,450
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(293,293,550,351)	(392,754,634,426)
4. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(7,104,549,500)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	202,831,967,019	(18,699,753,976)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50	(24,435,077,581)	31,061,539,524
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	34,500,233,880	9,309,485,304
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	10,065,156,299	40,371,024,828

NGUYỄN THỊ THÚY ANGA
Người lập

VŨ THỊ THÚY
Kế toán trưởng

DƯƠNG THỊ HUYỀN
Tổng Giám Đốc



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2021

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105087537 lần đầu ngày 29/12/2010. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về vốn điều lệ, ngành nghề kinh doanh của Công ty cũng đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội chuẩn y tại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 01 đến lần thứ 08 ngày 14/06/2021.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 09 ngày 12/11/2021 là 300.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm tỷ đồng).

Cổ phiếu của Công ty hiện đang được giao dịch trên Sàn giao dịch Chứng khoán HOSE với mã cổ phiếu: CRC.

Công ty có trụ sở tại số 104/140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội. Tổng số cán bộ nhân viên của Công ty tại thời điểm 31/12/2021 là 30 người (Tại thời điểm 31/12/2020, tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty là 08 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm: Khai thác khí đốt tự nhiên; Khai thác quặng sắt; Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên; Sản xuất đồ gỗ xây dựng; Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; Sản xuất sắt, thép, gang; Đúc sắt thép; Sản xuất các cấu kiện kim loại; Sửa chữa máy móc, thiết bị; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống); Đại lý ô tô và xe có động cơ khác; Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác; Bán mô tô, xe máy; Bán buôn thực phẩm; Bán buôn đồ uống; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất; Hoạt động tư vấn quản lý; Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu; Sản xuất pin và ắc quy (Chi tiết sản xuất tấm tế bào quang điện); Sản xuất thiết bị điện khác (Chi tiết sản xuất thiết bị điện năng lượng mặt trời); Sửa chữa thiết bị điện; Sản xuất linh kiện điện tử; Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng; Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển; Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học; Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện; Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học; Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác; Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại; Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng; Sản xuất đồ điện dân dụng; Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu; Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học; Sửa chữa thiết bị khác; Sản xuất điện (trừ thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân); Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh; Xây dựng công trình điện; Xây dựng nhà không để ở (Chi tiết Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ); Xây dựng công trình đường bộ (Chi tiết xây dựng công trình công ích); Xây dựng nhà để ở; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ: xây dựng các dự án năng lượng, xây dựng công trình dân dụng; Kinh doanh thương mại nông sản (cao su, điều...), Kinh doanh thương mại vật liệu xây dựng (sắt thép, tôn...), Cho thuê nhà...

Thuyết minh báo cáo tài chính là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2021

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

1.3 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại thời điểm 31/12/2021, Công ty có 01 công ty con: Công ty cổ phần Công nghệ CRC và 02 công ty liên kết; Công ty cổ phần Công nghệ CRC có 13 công ty con: Công ty cổ phần Canadian Solar Việt Nam, Công ty cổ phần CRC Power và Công ty cổ phần CRC Invest, Công ty cổ phần Xây Dựng Hạ Tầng Năng Lượng Xanh, Công ty cổ phần Vinasolar Đồng Tháp, Công ty cổ phần Xây lắp điện Lâm Đồng, Công ty cổ phần Jinea Việt Nam, Công ty cổ phần Elecsun Việt Nam, Công ty cổ phần cung cấp năng lượng điện Mặt Trời, Công ty cổ phần Vinasolar Bảo Lộc, Công ty cổ phần Resun Việt Nam, Công ty cổ phần Năng Lượng Xanh Kosun, Công ty cổ phần Điện Nhật Nguyên Xanh cụ thể như sau:

Tên	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Công ty con					
Công ty cổ phần công nghệ CRC	Hà Nội	Năng lượng	99,99%	99,99%	99,99%
Công ty cổ phần Canadian Solar Việt Nam	Hà Nội	Năng lượng	97,99%	97,99%	97,99%
Công ty cổ phần CRC Power	Hà Nội	Năng lượng	97,99%	97,99%	97,99%
Công ty cổ phần CRC Invest	Hà Nội	Năng lượng	97,99%	97,99%	97,99%
Công ty liên kết					
CTCP Xây dựng Hạ tầng Năng lượng xanh	Hà Nội	Năng lượng	95,99%	95,99%	95,99%
CTCP Vinasolar Đồng Tháp	Hà Nội	Năng lượng	94,99%	94,99%	94,99%
CTCP Xây lắp Điện Lâm Đồng	Hà Nội	Năng lượng	96,99%	96,99%	96,99%
CTCP Jinea Việt Nam	Hà Nội	Năng lượng	96,94%	96,94%	96,94%
CTCP Elecsun Việt Nam	Hà Nội	Năng lượng	93,19%	93,19%	93,19%
CTCP Cung cấp Năng lượng Điện mặt trời	Hà Nội	Năng lượng	97,99%	97,99%	97,99%
CTCP Vinasolar Bảo Lộc	Lâm Đồng	Năng lượng	97,99%	97,99%	97,99%
CTCP Resun Việt Nam	Hà Nội	Năng lượng	96,99%	96,99%	96,99%
CTCP Năng lượng Xanh Kosun	Kon Tum	Năng lượng	96,89%	96,89%	96,89%
CTCP Điện Nhật Nguyên Xanh	Kon Tum	Năng lượng	94,99%	94,99%	94,99%
Công ty liên kết					
Công ty cổ phần Gạch ngói Vinh Phúc (*)	Vinh Phúc	Gạch ngói	49%	49%	49%
Công ty TNHH Trường Sơn	Hà Nội	Gạch ngói	45%	45%	45%

(*): Từ ngày 27/05/2021 Công ty cổ phần Gạch ngói Vinh Phúc trở thành công ty liên kết của Công ty theo Nghị quyết số 320/2021/CRC/NQ-HDQT ngày 13/05/2021 của Hội đồng quản trị.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính:

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Thuyết minh báo cáo tài chính là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2021

2.1 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của công ty được bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.
Báo cáo tài chính của công ty được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01/01 đến ngày 31/12.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư 200/2014/TT- BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014, Thông tư 53/2016/TT – BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT - BTC.

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Kế toán trên máy vi tính.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán:

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính riêng được lập theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thống lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo là báo cáo tài chính riêng của Công ty, do vậy, không bao gồm báo cáo tài chính của các công ty con. Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 để có các thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc nhưng số liệu thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: tiền mặt, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Ngân hàng thương mại mà Công ty lựa chọn tỷ giá để áp dụng trong kế toán: Giao dịch tại ngân hàng thương mại nào sẽ sử dụng tỷ giá của chính ngân hàng đó.

Các loại tỷ giá áp dụng khi ghi nhận các giao dịch gồm:

- + Tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Được sử dụng để quy đổi ra đồng tiền ghi sổ kế toán đối với các giao dịch ghi tăng: Hàng hoá, Trả trước cho người bán, Các khoản phải trả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2021

+ *Tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh:*

Được sử dụng để quy đổi ra đồng tiền ghi sổ kế toán đối với các giao dịch ghi giảm: Các khoản phải trả, Khoản tiền ứng trước cho người bán do đã nhận được sản phẩm, hàng hóa.

Trường hợp trong kỳ phát sinh nhiều khoản phải thu hoặc phải trả bằng ngoại tệ với cùng một đối tượng thì tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh cho từng đối tượng được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền di động của các giao dịch với đối tượng đó.

+ *Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động:*

Được sử dụng để quy đổi ra đồng tiền ghi sổ kế toán ở bên Có các TK tiền, khi thực hiện thanh toán bằng ngoại tệ.

Các loại tỷ giá áp dụng khi đánh giá lại cuối kỳ:

- + Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán (Tiếp theo)

- + Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- + Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Tỷ giá áp dụng để đánh giá lại là tỷ giá mua/bán ngoại tệ của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam tại thời điểm 31/12/2021

Các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ tài chính.

Nguyên tắc kế toán các Khoản đầu tư tài chính

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà công ty nắm quyền kiểm soát, các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2021

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết, các khoản đầu tư khác được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

Đối với các khoản đầu tư khác:

Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kế khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá gốc của hàng tồn kho: Bình quân gia quyền.

Phương pháp xác định giá gốc của Mù cao su: Đích danh.

Phương pháp xác định chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ: Bao gồm chi phí nguyên vật liệu của dự án xây dựng chưa được ghi nhận doanh thu tại thời điểm cuối kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính của từng nhóm tài sản cố định như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO) Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2021

	Số năm
Máy móc thiết bị	10 năm
Phương tiện vận tải	06 năm

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản dở dang dài hạn tại ngày 31/12/2021 của Công ty bao gồm Chi phí xây dựng dự án Phú Thọ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản chi phí trả trước có thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh kể từ thời điểm trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn, khoản chi phí trả trước có thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh kể từ thời điểm trả trước được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn.

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm giá trị các công cụ dụng cụ có thời gian phân bổ vào kết quả kinh doanh trong thời gian 12 tháng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận Vay

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản Chi phí đi vay

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2021**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Nguyên tắc ghi nhận Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Đến thời điểm thực chi, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí phản chênh lệch với số đã trích. Các khoản chi phí phải trả tại ngày kết thúc kỳ tài chính bao gồm chi phí lãi vay phải trả.

Nguyên tắc ghi nhận Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Lợi nhuận chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021 là số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ đi (-) thuế thu nhập doanh nghiệp và lợi nhuận chưa phân phối của năm trước.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc ghi nhận Doanh thu, Thu nhập khác**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu các công trình xây lắp

Doanh thu hoạt động xây dựng được ghi nhận khi có biên bản nghiệm thu, quyết toán và được khách hàng chấp nhận thanh toán. Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2021

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Doanh thu khác

Doanh thu khác bao gồm lãi tiền gửi và lãi cho vay, lãi đầu tư trái phiếu và chênh lệch tỷ giá. Lãi tiền gửi và lãi đầu tư trái phiếu được ghi nhận trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn. Doanh thu từ chênh lệch tỷ giá được ghi nhận theo thực tế phát sinh.

Nguyên tắc kế toán Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã xuất bán hoặc đã cung cấp trong kỳ. Giá vốn của công trình xây dựng xác định dựa trên chi phí thực tế phát sinh liên quan trực tiếp tới việc xây dựng công trình đó. Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Để đảm bảo nguyên tắc thận trọng, các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có), gồm: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, hàng tồn kho hao hụt, mất mát và khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ là chi phí đi vay vốn

Nguyên tắc ghi nhận Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng bao gồm các khoản chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm tiền lương nhân viên bộ phận bán hàng (tiền lương, các khoản phụ cấp), bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên bán hàng; các chi phí môi giới bán hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm.

Công ty không phát sinh các khoản ghi giảm chi phí bán hàng trong năm.

Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; thuế môn bài; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

Công ty không phát sinh các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

Nguyên tắc ghi nhận Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (20%). Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Bên liên quan

Thuyết minh báo cáo tài chính là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2021

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Các chỉ tiêu được trình bày theo đơn vị tính là đồng Việt Nam (VND).

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

		31/12/2021	01/01/2021
Tiền mặt tại quỹ	(i)	900,265,339	1,752,778,924
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	(ii)	9,164,890,960	30,422,355,372
Các khoản tương đương tiền	(iii)	-	2,325,099,584
Tổng cộng		10,065,156,299	34,500,233,880

(i) Số dư tiền mặt tại quỹ vào ngày 31/12/2021 bao gồm:

	VND
<i>Đồng Việt Nam (VND)</i>	900,265,339
Cộng	900,265,339

(ii) Số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 31/12/2021 bao gồm:

	VND
Tiền gửi VND	7,006,561,926
+ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Thăng Long	986,364
+ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Thanh Xuân	6,471,633
+ Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Sở giao dịch	17,665,556
+ Ngân hàng NN & PTNNVN - Chi nhánh Tây Hồ	15,807
+ Ngân hàng NN & PTNNVN - Chi nhánh Hồng Hà	2,908,002,588
+ Ngân hàng NN & PTNNVN - Chi nhánh Hồng Hà	934,200
+ Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Mỹ Đình	3,940,491,966
+ Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - 855 - CN Mỹ Đình	2,931,659
+ Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Hòa Bình	3,379,670
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thanh Xuân	94,706,354
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Thăng Long	60,005
+ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Thành Công	1,150,741
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Phạm Hùng	10,628,189
+ Ngân hàng Shinhan bank - CN Trần Duy Hưng	11,330,887
+ Ngân hàng SHB - CN Hà Nội	7,806,307

	USD	VND
Tiền gửi USD		2,158,329,034
+ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Thanh Xuân	205.89	4,661,349
+ Ngân hàng NN & PTNNVN - Chi nhánh Tây Hồ	276.85	6,276,190
+ Ngân hàng NN & PTNNVN - Chi nhánh Hồng Hà	23.97	543,400
+ Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Mỹ Đình	93,866.85	2,128,900,158
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thanh Xuân	550.19	12,426,041
+ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Thành Công	243.90	5,521,896
Tổng cộng	95,167.65	9,164,890,960

(iii) Số dư tiền tương đương tiền bao gồm:

	31/12/2021	01/01/2021
+ Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Sở giao dịch (*)		2,325,099,584
+ Ngân hàng NN & PTNNVN - Chi nhánh Hồng Hà (*)	20,000,000,000	-
	20,000,000,000	2,325,099,584

31051
 CÔNG
 CỔ
 PHẦN
 CREATE
 CAPITAL
 VIỆT
 NAM

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

2. Đầu tư tài chính ngắn hạn

2.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Tiền gửi ủy thác của các cá nhân theo sự ủy thác của công ty (i)	20,000,000,000	80,750,000,000
Bà Dương Thị Huyền (ii)	-	14,400,000,000
Bà Nguyễn Thị Thanh Dung (ii)	-	17,600,000,000
Bà Nguyễn Thị Thúy Nga (ii)	-	34,500,000,000
Ông Nguyễn Việt Giáp	-	3,000,000,000
Bà Phạm Thị Huế	-	11,250,000,000
Ông Nguyễn Đức Hòa	-	-
Tiền gửi đứng tên công ty	-	-
Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam	20,000,000,000	-
Tổng cộng	20,000,000,000	80,750,000,000

(i) Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 2903/NQ/HĐQT/2020 ngày 29/03/2020 ủy quyền cho các cá nhân gửi tiết kiệm và thế chấp các khoản tiết kiệm này để đảm bảo các khoản vay của Công ty.

(ii) Khoản ủy thác cho các cá nhân đang được thế chấp cho các hợp đồng L/C.

3. Phải thu khách hàng

Phải thu khách hàng ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Công ty CP XNK Nam Hà Nội	-	3,954,537,114
Công ty TNHH MTV Phan Linh YB	793,630,000	-
Công ty cổ phần sản xuất và cung ứng VLXD Kontum	-	4,121,243,813
Công ty cổ phần Công Nghệ EMP	-	30,644,623,728
Công ty TNHH Thảo Nguyễn Xanh Kon Tum	-	3,778,303,500
Công ty TNHH Việt Hương	-	3,063,967,444
BELTAMAZHILIYA LTD	902,052,568	-
Các đối tượng khác	385,249,340	5,313,753,010
Cộng	2,080,931,908	50,876,428,609

Trong đó khoản phải thu với các bên có liên quan

	31/12/2021	01/01/2021
	-	541,176,614

Khoản phải thu với các bên có liên quan

Chi tiết tại Thuyết minh báo cáo tài chính mục VII.1 - Thông tin với các bên có liên quan.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

4. Chi phí trả trước

4.1 Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Công cụ dụng cụ	26,019,928	16,586,364
Cộng	26,019,928	16,586,364

5. Trả trước cho người bán

Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Công ty TNHH SX TM Thành Nam BP	11,729,771,406	-
Công ty cổ phần chè Minh Thịnh	11,648,881,600	-
Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Nông sản GHT	6,211,839,581	33,642,966,200
Công ty cổ phần Thương Mại Dịch Vụ Nhật Minh Xanh	3,654,432,000	-
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Vicenza	7,646,627,391	-
JA SOLAR INTERNATIONAL LIMITED	1,521,058,746	-
Các đối tượng khác	2,615,458,000	6,446,271,533
Cộng	45,028,068,724	40,089,237,733

	31/12/2021	01/01/2021
	-	-

Khoản trả trước cho người bán với các bên có liên quan

Chi tiết tại Thuyết minh báo cáo tài chính mục VII.1 - Thông tin với các bên có liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

Báo cáo tài chính riêng quý 4 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Mẫu B09 - DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

6. Hàng tồn kho

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu (*)	4,868,263	-	11,225,688,263	-
Công cụ dụng cụ	-	-	-	-
Chi phí SXKD dở dang	15,118,753,707	-	103,615,633,632	-
+ Dự án Dầu Tiếng	1,443,430,728	-	57,865,810,763	-
+ Dự án Báo Lộc	-	-	22,508,814,574	-
+ Dự án Bình Định	-	-	22,651,074,141	-
+ Dự án Solar Cell	13,329,916,032	-	589,934,154	-
+ Dự án khác	345,406,947	-	-	-
Thành phẩm (*)	-	-	10,736,773,850	-
Hàng hoá (*)	67,947,431,214	-	76,499,698,898	-
Cộng	83,071,053,184	-	202,077,794,643	-

(*) Chi tiết hàng tồn kho của Công ty đang được gửi tại kho của các công ty khác như sau:

Tên công ty	Loại hàng gửi	31/12/2021	01/01/2021
Công ty TNHH Giấy An Lộc	Mủ cao su, cao su thành phẩm		
Ông Nguyễn Văn Đang	Mủ cao su, cao su thành phẩm		40,584,292,541
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Thành Nam BP	Nhân điều		19,795,108,858
Công ty cổ phần XNK Nông sản GHT	Nhân điều		3,243,240,000

CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

Báo cáo tài chính riêng, quý 4 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Mẫu B09 - DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

2. Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	205,950,000,000	-	205,950,000,000	82,733,352,000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	33,722,086,000	-	33,722,086,000	18,000,000,000
Đầu tư vào đơn vị khác	-	-	6,625,000,000	-
Đầu tư nhằm giữ đến ngày đáo hạn	6,790,000,000	-	6,790,000,000	-
Tổng cộng	246,462,086,000	-	246,462,086,000	(245,626,755)

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do các khoản đầu tư này chưa niêm yết và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của công ty tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Các giao dịch chủ yếu giữa công ty và các công ty con, công ty liên doanh, liên kết trong năm được trình bày tại Thuyết minh số VII.1

2.1. Đầu tư vào các công ty con

Tên đơn vị	Lĩnh vực kinh doanh	31/12/2021		01/01/2021	
		Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu theo ĐKKD	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu theo ĐKKD
Công ty cổ phần Khách sạn Việt Phúc	Khách sạn	-	-	2,940,000	98%
Công ty cổ phần Công nghệ CRC (*)	Công nghệ	20,395,000	99.9%	3,153,518	93%
Tổng cộng		20,395,000	99.9%	203,950,000,000	203,950,000,000

(*) Công ty góp vốn thành lập Công ty cổ phần Công nghệ CRC theo Nghị quyết số 1107/2019/CRC/NQ-HDQT ngày 11/07/2019.

2.2. Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết

Tên đơn vị	Lĩnh vực kinh doanh	31/12/2021		01/01/2021	
		Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu theo ĐKKD	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu theo ĐKKD
Công ty cổ phần Khách sạn Việt Phúc	Khách sạn	13,722,086,000	49%	18,000,000,000	45%
Công ty TNHH Trường Sơn	Khách sạn	18,000,000,000	45%	-	-
Tổng cộng		33,722,086,000		18,000,000,000	

(*) Trong năm, Công ty giám sát Công ty cổ phần Khách sạn Hareco theo Nghị quyết số 3112-2020/CRC/NQ - HDQT ngày 31/12/2020 của Hội đồng quản trị.

(**) Trong kỳ công ty giám sát tại công ty CP Khách sạn Việt Phúc theo Nghị Quyết số 320/2021/CRC/NQ-HDQT ngày 13/03/2021 của Hội đồng quản trị. Giám lý lệ sở hữu tương ứng 49% và chuyển từ công ty con sang công ty liên kết.

2.3. Đầu tư tài chính dài hạn

Tên đơn vị	Lĩnh vực kinh doanh	31/12/2021		01/01/2021	
		Số lượng	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng	Tỷ lệ sở hữu
Công ty TNHH Giám Xây dựng Yên Thạch	Gốm sứ	-	0.00%	-	17.43%
Tổng cộng		-	-	6,625,000,000	6,625,000,000

Trong năm, Công ty giám sát tại công ty TNHH Giám Xây dựng Yên Thạch

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

8. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, trung thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2021	-	293,636,364	1,725,646,728	-	-	2,019,283,092
Mua trong năm	-	-	1,278,880,000	-	-	1,278,880,000
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	13,694,003,534	-	-	-	13,694,003,534
Tặng khác	-	-	-	-	-	-
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(607,705,455)	-	-	(607,705,455)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2021	-	13,987,639,898	2,396,821,273	-	-	16,384,461,171
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2021	-	99,615,359	816,992,173	-	-	916,607,532
Khấu hao trong năm	-	677,251,979	443,629,676	-	-	1,120,881,655
Hao mòn trong năm	-	-	-	-	-	-
Tặng khác	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(567,191,789)	-	-	(567,191,789)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2021	-	776,867,338	693,430,060	-	-	1,470,297,398
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2021	-	194,021,005	908,654,555	-	-	1,102,675,560
Tại ngày 31/12/2021	-	13,210,772,560	1,703,391,213	-	-	14,914,163,773

Trong đó: Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: 0 đồng (năm 2020 là 0 đồng)

Nguyên giá TSCĐ tạm thời không sử dụng: 0 đồng (năm 2020 là 0 đồng)

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng để chấp, cầm cố cho vay là 1.569.400.971 đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Mẫu B09 - DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

9. Các khoản phải thu khác

Phải thu khác ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
<i>Tạm ứng</i>	-	1,801,440,000
Ông Đỗ Văn Quyết	-	1,000,000,000
Ông Hồ Công Trứ	-	800,000,000
Các đối tượng khác	-	1,440,000
Phải thu khác	4,727,642,466	1,987,510,714
Công ty cổ phần Gạch ngói Vĩnh Phúc	-	1,164,974,782
Phải thu lãi tiền gửi hợp đồng ủy thác và lãi trái phiếu	302,642,466	822,535,932
Trần Ngọc Khánh (i)	4,425,000,000	-
<i>Ký quỹ, ký cược</i>	-	10,369,886,485
Ký quỹ - Ngân hàng NN & PTNNVN - Chi nhánh Hồng Hà	-	941,000,000
Ký quỹ - Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Sở giao dịch	-	9,428,886,485
Tổng cộng	4,727,642,466	14,158,837,199
<i>Trong đó khoản phải thu khác với các bên có liên quan</i>		
	31/12/2021	01/01/2021
Phải thu khác các bên có liên quan	-	1,257,017,391

(i) *Phải thu về chuyển nhượng cổ phần theo Hợp đồng chuyển nhượng số 02/2021/HDCNCP/GYT ngày 23/12/2021*

10. Tài sản dài hạn khác

10.1 *Phải thu về cho vay*

	31/12/2021	01/01/2021
Công ty TNHH Kỹ thuật CK Năng Lượng môi trường Đại Phát (i)	-	250,000,000
Tổng cộng	-	250,000,000

(i) Đến ngày 31/12/2021, Công ty TNHH Kỹ thuật CK Năng lượng môi trường Đại Phát hoàn trả toàn bộ gốc vay.

10.2 *Tài sản dở dang dài hạn*

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11,199,648,049	11,199,648,049	-	-
- Công trình Hòa Bình	-	-	-	-
- Công trình Phú Thọ	11,199,648,049	11,199,648,049	-	-
Tổng cộng	11,199,648,049	11,199,648,049	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Mẫu B09 - DN

11. Phải trả người bán

Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng	Giá trị	Số có khả năng trả
Công ty TNHH Vật liệu Lâm nhà PLD	-	-	14,775,930,411	14,775,930,411
Công ty TNHH Công Trình Cơ Điện Airtsun Việt Nam	2,681,214,056	2,681,214,056	-	-
Công ty TNHH BG Solar	948,494,989	948,494,989	-	-
Công ty JASOLAR INTERNATIONAL LIMITED	-	-	117,528,600,838	117,528,600,838
Công ty JINKOSOLAR CO, LTD	-	-	40,789,599,365	40,789,599,365
Công ty ZNSHINE SOLAR	-	-	45,740,139,448	45,740,139,448
Các đối tượng khác	1,107,382,363	1,107,382,363	39,679,920,286	39,679,920,286
Cộng	4,737,091,408	4,737,091,408	258,514,190,348	258,514,190,348

Trong đó khoản phải trả với các bên có liên quan

	31/12/2021	01/01/2021
Phải trả các bên có liên quan	-	6,560,184,113

Chi tiết tại Thuyết minh báo cáo tài chính mục VII.1 - Thông tin với các bên có liên quan.

12. Người mua trả tiền trước

Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Thương mại SHP	-	32,132,591,182
Công ty TNHH XNK TMDV Bắc Nam	-	11,267,070,255
Công ty TNHH MTV Đông An Gia Lai	639,010,000	7,850,000,000
Công ty cổ phần đầu tư CP Farm Việt Nam	4,112,366,688	-
Công ty TNHH MTV Hà My	-	8,250,000,000
Công ty TNHH MTV Phan Linh YB	-	6,630,000,000
Công ty cổ phần Công Nghệ Và Xử Lý Môi Trường Toàn Mỹ	5,763,399,040	-
Công ty TNHH TMDV VLXD Thành Đạt	694,127,000	-
Công ty cổ phần thương mại Mai Sơn Lâm	7,600,000,000	-
Các đối tượng khác	5,369,105,245	7,675,281,337
Cộng	24,178,007,973	73,804,942,774

Trong đó khoản người mua trả tiền trước với các bên có liên quan

	31/12/2021	01/01/2021
Người mua trả tiền trước các bên có liên quan	-	35,313,102,928

Chi tiết tại Thuyết minh báo cáo tài chính mục VII.1 - Thông tin với các bên có liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Mẫu B09 - DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

13. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
- Chi phí trích trước lãi vay ngân hàng	-	21,105,575
- Chi phí trích trước khác	-	19,500,000
Tổng cộng	-	40,605,575

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2021	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	31/12/2021
Thuế giá trị gia tăng	-	9,268,554,018	9,268,554,018	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1,422,561,129	812,252,485	1,422,561,129	812,252,485
Thuế thu nhập cá nhân	457,537,500	-	-	457,537,500
Thuế tài nguyên	-	-	-	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	-	-
Thuế BV MT và các loại thuế khác	-	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp	-	4,709,615	4,709,615	-
Tổng cộng	1,880,098,629	10,085,516,118	10,695,824,762	1,269,789,985

15. Phải trả khác

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả ngắn hạn khác	-	-	-	-
- Tài sản thừa chờ giải quyết	-	-	-	-
- Kinh phí công đoàn	-	-	-	-
- Bảo hiểm xã hội	-	-	-	-
- Bảo hiểm y tế	-	-	-	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	-	-	-	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	717,630,443	717,630,443	3,172,179,943	3,172,179,943
+ Công ty cổ phần CRC Công nghệ	-	-	2,850,000,000	2,850,000,000
+ Phải trả khác	-	-	66,589,266	66,589,266
+ Cổ tức lợi nhuận phải trả	717,630,443	717,630,443	255,590,677	255,590,677
- Nhận ký quỹ	33,000,000	33,000,000	33,000,000	33,000,000
+ Công ty TNHH XNK ITALIA Lưu	33,000,000	33,000,000	33,000,000	33,000,000
Tổng cộng	717,630,443	717,630,443	3,205,179,943	3,205,179,943

Trong đó khoản phải trả khác với các bên có liên quan

	31/12/2021	01/01/2021
Phải trả khác các bên có liên quan	-	2,850,000,000

Phải trả khác các bên có liên quan

Chi tiết tại Thuyết minh báo cáo tài chính mục VII.1 - Thông tin với các bên có liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

Báo cáo tài chính riêng quý 4 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Mẫu B09 - DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

16. Vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay

	31/12/2021		Phát sinh trong kỳ		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn						
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Mỹ Đình (2)	83,630,792,806	83,630,792,806	352,390,066,870	293,132,694,708	24,373,420,644	24,373,420,644
+ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Hồng Hà (3)	49,261,252,276	49,261,252,276	174,838,211,166	141,363,668,865	15,786,709,975	15,786,709,975
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân (4)	34,369,540,530	34,369,540,530	132,276,383,852	105,990,706,682	8,083,863,360	8,083,863,360
Vay dài hạn đến hạn trả						
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Phạm Hùng (1)	209,247,174	-	45,275,471,852	45,778,319,161	502,847,309	502,847,309
+ Ngân hàng Shinhanbank	44,000,004	44,000,004	44,000,004	44,000,004	44,000,004	44,000,004
Cộng vay ngắn hạn	165,247,170	165,247,170	282,102,809	116,855,639	-	-
Vay dài hạn						
+ Ngân hàng Shinhanbank	83,840,039,980	83,840,039,980	352,716,169,683	293,293,550,351	24,417,420,648	24,417,420,648
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Phạm Hùng (1)	763,230,515	763,230,515	840,000,000	326,102,813	249,333,328	249,333,328
Cộng	557,897,191	557,897,191	840,000,000	282,102,809	-	-
	205,333,324	205,333,324		44,000,004	249,333,328	249,333,328
	84,603,270,495	84,603,270,495	353,556,169,683	293,619,653,164	24,666,753,976	24,666,753,976

CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

Báo cáo tài chính riêng quý 4 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**Mẫu B09 - DN****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)****16.1. Chi tiết các khoản vay ngân hàng dài hạn**

Bên cho vay	Hợp đồng vay	Số dư cuối kỳ	Khoản vay DH đến hạn trả	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (năm)	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Phạm Hùng	Hợp đồng cho vay kèm thế chấp xe ô tô số 692/2020/HĐTD/TB MB4/01 ngày 21/08/2020	205.333.324	44.000.004	28/08/2027	8,9%	Ô tô Vinfast Fadil BKS 30G-486.94
Ngân hàng Shinhan bank- Chi nhánh Trần Duy Hưng	Hợp đồng tín dụng số: SHBVN/TDHP/PL/2 021/0494	267.538.731	80.263.366		7,5%	Ô tô Xpander BKS: 30G-966.76
	Hợp đồng tín dụng số: SHBVN/TDHP/PL/2 021/0658	290.358.460	84.983.804		7,5%	Ô tô Ford BKS: 29B-317.13

16.2. Chi tiết các khoản vay ngân hàng ngắn hạn

Bên cho vay	Hợp đồng vay/ Khoản vay	Số dư cuối kỳ	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (năm)
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Mỹ Đình	Hợp đồng TDHM số 01/2021/8353501/HĐTD ngày 10/06/2021	49.261.252.276		

Các tài sản được sử dụng để đảm bảo cho các khoản vay của của Hợp đồng tín dụng số Hợp đồng TDHM số 01/2021/8353501/HĐTD ngày 10/06/2021 bao gồm:

- Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở có địa chỉ tại Lò đất số BT3.1 khu chức năng đô thị Tây Mỗ thuộc sở hữu của ông Mai Anh Tâm.
- Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà theo GCNQSD số CN 467786 thuộc sở hữu của ông Mai Anh Tâm.
- 29 trái phiếu Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam với tổng mệnh giá 290.000.000 đồng.
- 750.000 Cổ phiếu của Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam thuộc sở hữu của ông Mai Anh Tâm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

Báo cáo tài chính riêng quý 4 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Mẫu B09 - DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Bên cho vay	Hợp đồng vay/ Khoản vay	Số dư cuối kỳ	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (năm)
Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hồng Hà	Hợp đồng tín dụng số 1260 - LAV - 202100208 ngày 22/04/2021	34.369.540,530		

Các tài sản được sử dụng để đảm bảo cho các khoản vay của Hợp đồng tín dụng số 1260 - LAV - 202100208 ngày 22/04/2021 bao gồm:

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số CQ 666984 của bà Trần Thị Thu Hiền.
- Tài sản gắn liền với đất của Công ty cổ phần Khách sạn Vĩnh Phúc.
- 500 Trái phiếu Agribank mang tên Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam với tổng giá trị là 500.000.000 đồng.

16.2 Chi tiết các khoản vay ngân hàng ngắn hạn

Bên cho vay	Hợp đồng vay/ Khoản vay	Số dư cuối kỳ	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (năm)
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2021-HDCVHM/NHCT127-CRC ngày 12/10/2021	-		

Các tài sản được sử dụng để đảm bảo cho các khoản vay của Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2021-HDCVHM/NHCT127 - CRC bao gồm:
- 60.000 trái phiếu mệnh giá 100.000 đồng/ trái phiếu thuộc quyền sở hữu của Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

Báo cáo tài chính riêng quý 4 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Mẫu B09 - DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

17. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	150,000,000,000	-	-	10,645,604,925	14,234,724,893	174,880,329,818
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	4,635,073,449	4,635,073,449
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	1,067,753,431	-	-	1,067,753,431
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Chi trả cổ tức cho các cổ đông	-	-	-	-	-	-
Thủ lao trả HĐQT và BKS	-	-	-	-	(66,589,266)	(66,589,266)
Phân phối các quỹ	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	(1,067,753,431)	-	-	(1,067,753,431)
Số dư cuối năm trước/đầu năm nay	150,000,000,000	-	-	10,645,604,925	18,803,209,076	179,448,814,001
Tăng vốn trong năm	150,000,000,000	-	-	-	-	150,000,000,000
Lãi trong năm	-	-	-	-	3,249,009,941	3,249,009,941
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	-	-	-
Thủ lao trả HĐQT và BKS	-	-	-	-	-	-
Chi trả cổ tức cho các cổ đông	-	-	-	-	(7,500,000,000)	(7,500,000,000)
Phân phối các quỹ	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ này	300,000,000,000	-	-	10,645,604,925	14,553,219,017	325,197,823,942

CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

Báo cáo tài chính riêng quý 4 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Mẫu B09 - DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

17. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2021			01/01/2021		
	Tổng số	Cổ phiếu thường	CP ưu đãi	Tổng số	Cổ phiếu thường	CP ưu đãi
Ông Mai Anh Tám	20,000,000,000	20,000,000,000	-	15,000,000,000	15,000,000,000	-
Các cổ đông khác	280,000,000,000	280,000,000,000	-	135,000,000,000	135,000,000,000	-
Tổng cộng	300,000,000,000	300,000,000,000	-	150,000,000,000	150,000,000,000	-

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận:

	31/12/2021	01/01/2021
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	150,000,000,000	150,000,000,000
+ Vốn góp tăng trong năm	150,000,000,000	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	300,000,000,000	150,000,000,000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

Cổ phiếu:

	Năm nay	Năm trước
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	30,000,000	15,000,000
+ Cổ phiếu phổ thông	30,000,000	15,000,000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	30,000,000	15,000,000
+ Cổ phiếu phổ thông	30,000,000	15,000,000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

18. Các khoản mục ngoại bảng

a/ Ngoại tệ các loại

	31/12/2021	01/01/2021
Dollar Mỹ (USD)	95,167.65	1,738,86



CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

Báo cáo tài chính riêng quý 4 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Mẫu B09 - DN

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp theo)**19. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Quý IV Năm nay</u>	<u>Quý IV Năm trước</u>
Tổng cộng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	39,990,284,210	347,887,686,902
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm</i>	<i>7,541,258,846</i>	<i>261,673,227,054</i>
<i>Doanh thu hợp đồng xây dựng</i>	<i>32,105,300,909</i>	<i>85,930,837,896</i>
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	<i>343,724,455</i>	<i>283,621,952</i>
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Tổng	39,990,284,210	347,887,686,902

Chi tiết tại Thuyết minh báo cáo tài chính mục VII.1 - Thông tin với các bên có liên quan.

20. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	<u>Quý IV Năm nay</u>	<u>Quý IV Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	7,507,731,344	258,144,401,591
Giá vốn hợp đồng xây dựng	29,696,309,047	80,518,872,521
Giá vốn cung cấp dịch vụ	355,986,453	63,636,365
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		
Tổng cộng	37,560,026,844	338,726,910,477

21. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Quý IV Năm nay</u>	<u>Quý IV Năm trước</u>
Lãi tiền gửi, tiền vay	242,925,511	11,230,902
Cổ tức được chia		
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	34,937,440	79,800
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		
Lãi thanh lý khoản đầu tư		
Tổng cộng	277,862,951	11,310,702

22. Chi phí tài chính

	<u>Quý IV Năm nay</u>	<u>Quý IV Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	241,923,139	637,755,273
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	21,734,849	3,000,132
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		
Tổng cộng	263,657,988	640,755,405

CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

Báo cáo tài chính riêng quý 4 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Mẫu B09 - DN

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp theo)**23. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Quý IV Năm nay</u>	<u>Quý IV Năm trước</u>
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
- Chi phí nhân viên	220,375,988	394,751,528
- Chi phí công cụ quản lý	15,447,322	40,258,454
- Chi phí khấu hao TSCĐ	114,028,545	140,865,339
- Thuế, phí, lệ phí	54,434,424	20,000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	657,899,570	322,982,813
- Chi phí khác bằng tiền	29,746,207	48,449,595
Tổng cộng	<u>1,091,932,056</u>	<u>947,327,729</u>

24. Chi phí bán hàng

	<u>Quý IV Năm nay</u>	<u>Quý IV Năm trước</u>
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	349,529,400	2,086,127,300
Tổng cộng	<u>349,529,400</u>	<u>2,086,127,300</u>

25. Thu nhập khác và chi phí khác

	<u>Quý IV Năm nay</u>	<u>Quý IV Năm trước</u>
Thu nhập khác	<u>33,000</u>	<u>7,051,615</u>
- Lãi thanh lý, nhượng bán TSCĐ		
- Hàng hóa thừa khi kiểm kê		
- Hàng tặng		
- Các khoản khác	33,000	7,051,615
Chi phí khác	<u>9,823</u>	<u>167,070,513</u>
- Chi phí khấu hao		
- Thuế bị phạt, bị truy thu		
- Lãi chậm nộp bảo hiểm		
- Phạt vi phạm hợp đồng		
- Chi phí khác	9,823	167,070,513
Lợi nhuận (lỗ) khác thuần	<u>23,177</u>	<u>(160,018,898)</u>

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ

27. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	<u>Quý IV năm nay</u>	<u>Quý IV năm trước</u>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	200,604,810	1,067,571,559
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập của năm trước vào chi phí thuế TNDN của kỳ này	_____	_____
Tổng cộng	<u>200,604,810</u>	<u>1,067,571,559</u>

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dưới đây là bảng chi tiết chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong kỳ của Công ty:

CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

Báo cáo tài chính riêng quý 4 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Mẫu B09 - DN

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Thông tin về các bên có liên quan****Các bên liên quan:**

Các bên được xem là các bên liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát phía bên kia hoặc tạo ra ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong các quyết định về tài chính và kinh doanh. Các bên có liên quan là các doanh nghiệp kể cả công ty mẹ, công ty con, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Thu nhập của nhân sự chủ chốt

Thù lao trả cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát của Công ty phát sinh trong kỳ, chi tiết như sau:

	31/12/2021	31/12/2020
Tiền lương và phụ cấp	182,769,200	184,312,400
Tổng cộng	182,769,200	184,312,400

Công ty con, công ty liên kết, các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết tại Công ty, các thành viên thân cận trong gia đình của Ban Quản trị được nhận biết là các bên liên quan của Công ty.

Các bên được nhận biết là các bên có liên quan với Công ty trong kỳ tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty cổ phần công nghệ CRC	Công ty con
Công ty CP Gạch ngói Vĩnh Phúc	Công ty liên kết
Công ty TNHH Trường Sơn	Công ty liên kết
Công ty CP Hãng sơn Đồng Á	Có cùng Chủ tịch HĐQT
Công ty CP Phụ gia Bê tông Phà Lại	Có cùng Chủ tịch HĐQT
Công ty CP Khoáng sản và xây dựng Hà Nội	Bên liên quan của Chủ tịch HĐQT
Công ty CP Goldstar Việt Nam	Bên liên quan của thành viên HĐQT
Công ty CP Cao su Hiệp Hưng	Bên liên quan của thành viên HĐQT
Công ty TNHH Gốm Xây dựng Yên Thạch	Công ty và các Cổ đông của Cty có ảnh hưởng đáng kể
Công ty CP CRC Solar Cell	Bên liên quan của Chủ tịch HĐQT
Công ty CP Đầu tư phát triển thương mại SHP	Bên liên quan của Tổng Giám đốc

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (Tiếp theo)

1. Thông tin về các bên có liên quan (Tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan khác trong kỳ bao gồm:

Các bên có liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	31/12/2021	31/12/2020
Bán hàng và cung cấp dịch vụ				
Công ty CP CRC Solar Cell	Bên liên quan của Chủ tịch HĐQT	Doanh thu xây lắp	24,231,355,454	10,835,524,046
		Doanh thu điện	524,179,800	-
		Thu tiền cung cấp dịch vụ	27,231,308,780	13,150,000,000
		Hà trả công nợ	14,000,000,000	150,500,000
		Thu tiền ứng trước	27,312,203,100	-
		Trả lại tiền ứng trước	13,797,423,328	360,000,000
Công ty cổ phần gạch ngói Vĩnh Phúc	Công ty liên kết	Thu tiền bán hàng	-	200,000,000
Công ty cổ phần đầu tư phát triển thương mại SHP	Bên liên quan của Tổng Giám đốc	Doanh thu bán gas	-	4,752,634,000
		Chuyển tiền hàng	-	36,984,930,200
		Doanh thu gạch	6,739,200	-
		Thu tiền hàng	6,739,200	-
		Hà trả công nợ	23,832,911,078	-
		Trả lại tiền ứng trước	8,299,680,104	-
Công ty cổ phần Vinasolar Báo Lộc	Công ty con	Doanh thu	5,114,545,453	-
		Thu tiền hàng	3,800,000,000	-
Tiền gửi ủy thác				
Bà Dương Thị Huyền	Tổng giám đốc	Nhận ủy thác	-	14,400,000,000
		Lãi dự thu tiền gửi ủy thác	-	51,198,773
		Tổng toán tiền gửi ủy thác	14,400,000,000	-
		Lãi tiền gửi	46,934,585	-
Bà Phạm Thị Thuá	Trưởng BKS	Thu lãi tiền gửi	107,029,658	-
		Nhận ủy thác	1,000,000,000	11,250,000,000
		Lãi tiền gửi	147,205,479	-
		Thu lãi tiền gửi	188,049,313	-
Ông Lê Quang Thạch	Giám đốc công ty con	Nhận ủy thác	5,000,000,000	-
		Tổng toán tiền gửi ủy thác	5,000,000,000	-
		Lãi tiền gửi	79,910,441	-
Các khoản phải thu, phải trả khác				
Công ty CP gạch ngói Vĩnh Phúc	Công ty liên kết	Chi tiền cho mượn	300,000,000	300,000,000
		Thu hồi tiền cho mượn	1,484,974,782	-
Công ty CP Phụ gia bê tông Phú Lợi	Cổ công Chủ tịch HĐQT	Chi tiền cho mượn	199,967,000	275,000,000
		Thu hồi tiền cho mượn	199,967,000	275,000,000
Công ty CP Công Nghệ CRC	Công ty con	Chi tiền cho mượn	292,000,000	-
		Thu hồi tiền cho mượn	292,000,000	350,000,000
		Thu hộ	1,753,000,000	2,500,000,000
		Trả hộ	4,605,000,000	-

1. Thông tin về các bên có liên quan (Tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan khác trong năm bao gồm:

Các bên có liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	31/12/2021	31/12/2020
----------------------	-------------	--------------------	------------	------------



VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (Tiếp theo)

Mua hàng hóa dịch vụ				
Công ty TNHH Trường Sơn	Công ty liên kết	Thanh toán tiền hàng	-	4,580,184,113
Công ty CP CRC Solar Cell	Bên liên quan của Chủ tịch HĐQT	Thanh toán tiền hàng	-	347,000,000
		Bù trừ công nợ		1,783,500,000
Công ty CP Đầu tư phát triển thương mại SHP	Bên liên quan của Tổng Giám đốc	Mua hàng hóa	10,336,717,000	17,065,124,967
		Thanh toán tiền hàng	33,203,299,778	18,418,037,082
		Bù trừ công nợ	23,812,911,078	353,580,382

Số dư với các bên liên quan:

Vào thời điểm kết thúc năm tài chính, số dư của Công ty với các bên liên quan như sau:

Các bên có liên quan	Mối quan hệ	31/12/2021	01/01/2021
I. Phải thu khách hàng		-	541,176,614
Công ty cổ phần gạch ngói Vĩnh Phúc	Công ty liên kết	-	541,176,614
Công ty CP CRC Solar Cell	BLQ của Chủ tịch HĐQT	298,296,900	-
II. Tiền gửi ủy thác		-	25,650,000,000
Bà Phạm Thị Huệ	Trưởng BKS	-	11,230,000,000
Bà Dương Thị Huyền	Tổng Giám đốc	-	14,400,000,000
III. Người mua trả tiền trước		322,961,260	35,313,102,928
Công ty CP CRC Solar Cell	BLQ của Chủ tịch HĐQT	-	413,923,528
Công ty cổ phần Jisca Việt Nam	Công ty con	322,961,260	-
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Thương mại SHP	BLQ của Tổng Giám đốc	-	34,899,179,400
IV. Phải thu khác		-	1,257,017,391
Công ty cổ phần gạch ngói Vĩnh Phúc	Công ty liên kết	-	1,164,974,782
Bà Phạm Thị Huệ	Trưởng BKS	-	40,843,836
Bà Dương Thị Huyền	Tổng Giám đốc	-	51,198,773
VI. Phải trả khác		-	2,850,000,000
Công ty cổ phần công nghệ CRC	Công ty con	-	2,850,000,000

1. Thông tin về các bên có liên quan (Tiếp theo)

Chính sách giá cả đối với các giao dịch giữa Công ty và các bên liên quan khác

Lãi suất cho vay, giá dịch vụ, hàng hóa của các bên liên quan cung cấp là giá thỏa thuận.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

2. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong các kỳ sau ngày kết thúc kỳ tài chính.

Hà Nội, ngày 26 tháng 01 năm 2022

NGUYỄN THỊ THỦY NGA
Người lập

VŨ THỊ THỦY
Kế toán trưởng



DƯƠNG THỊ HUYỀN
Tổng Giám Đốc